Working Paper 2023.1.4.6

- Vol 1, No 4

TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THAM GIA CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ Ở CÁC QUỐC GIA THUỘC ASEAN

Lê Thị Thanh Nhàn[1], Nguyễn Thị Nhật Minh, Nguyễn Cẩm Nhung, Bùi Phương Thảo, Lê Thị Phương Thảo

Sinh viên K60 – Kinh tế đối ngoại

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

TS. Vũ Huyền Phương

Giảng viên Viện Kinh tế và Kinh doanh quốc tế

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, các nước đang ngày càng tham gia sâu rộng vào các Hiệp định Thương mại tự do (FTA), thương mại quốc tế đang đóng vai trò ngày càng quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Để tìm hiểu tác động của các Hiệp định Thương mại tự do đến tăng trưởng kinh tế, nhóm nghiên cứu tiến hành thu thập dữ liệu chéo của 10 quốc gia thuộc khối ASEAN trong thời gian từ 2001 đến 2021 và phân tích dựa trên cơ sở xây dựng 3 mô hình hồi quy tuyến tính OLS để tìm hiểu mối quan hệ của việc ký kết các hiệp định thương mại tự do đến tăng trưởng kinh tế, sau đó sử dụng kiểm định p-value để phân tích ý nghĩa thống kê của các biến số được đưa vào mô hình. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng Số lượng FTA được ký kết có tác động tích cực đến GDP/người và Đầu tư trực tiếp nước ngoài. Do vậy, việc tham gia FTA có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Cuối cùng, nhóm nghiên cứu đề xuất một số biện pháp, chính sách nhằm nâng cao hiệu quả của việc ký kết các FTA đến tăng trưởng kinh tế của các quốc gia ASEAN, tạo cơ sở cho nghiên cứu chính sách phát triển kinh tế của các nước trên toàn thế giới.

Từ khóa: Hiệp định Thương mại tự do, ASEAN, tăng trưởng kinh tế, thương mại quốc tế, GDP

IMPACT OF PARTICIPATION IN FREE TRADE AGREEMENTS ON ECONOMIC GROWTH IN ASEAN COUNTRIES

Abstract

[1] Tác giả liên hệ, Email: thanhnhanle0108@gmail.com

In the context of globalization, countries are increasingly participating in Free Trade Agreements (FTAs), international commerce is playing an increasingly important role in the national economy. To find out the impact of Free Trade Agreements on economic growth, the research team conducted cross-sectional data collection of 10 ASEAN countries from 2001 to 2021 and analyzed it on the basis of building 3 OLS linear regression models to find out the relationship of the signing of free trade agreements and economic growth, then used p-value test to analyze the statistical significance of variables included in the model. Research results show that the number of signed FTAs has a positive impact on GDP per capita and Foreign direct investment. Therefore, joining the FTA has a positive impact on economic growth. Finally, the research team proposes a number of measures and policies to improve the effectiveness of the signing of FTAs on the economic growth of ASEAN countries, creating a basis for research on economic development policies of countries around the world.

Keywords: Free Trade Agreements, ASEAN, economic growth, international commerce, GDP

1. Giới thiệu chung

Tăng trưởng kinh tế là yêu cầu khẩn thiết và mang tính toàn cầu. Việc hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ là một trong những yếu tố quan trọng, được xem là đòn bẩy để các nước chuẩn bị những cơ hội và lợi thế thông qua việc ký kết và thực thi các FTA.

Có thể khẳng định, việc đàm phán, ký kết và thực thi các FTA đã và sẽ tạo điều kiện cũng như mang lại cơ hội lớn cho các nước đang phát triển trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài không chỉ từ các đối tác FTA mà còn từ nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Để biến cơ hội thành hiện thực, các quốc gia cần tiếp tục nỗ lực hơn nữa trong việc thực thi hiệu quả các cam kết, gắn với nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Tuy nhiên, những vấn đề nâng cao hiệu quả thực thi FTA ở các nước ASEAN chưa được cụ thể hóa rõ ràng và chưa được triển khai một cách bài bản.

Do vậy, việc nghiên cứu tình hình tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh gia tăng việc ký kết và thực thi các FTA là cấp thiết hiện nay. Bài viết này tập trung vào các câu hỏi chính sau: Có những yếu tố nào tạo nên tăng trưởng kinh tế? Ký kết Hiệp định Thương mại tự do có tác động đến tăng trưởng kinh tế như thế nào? Đâu là những giải pháp nâng cao tăng trưởng kinh tế thông qua việc ký kết FTA? Kết quả nghiên cứu của đề tài ***"Tác động của việc tham gia các hiệp định thương mại tự do đến tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia thuộc ASEAN"*** sẽ đem đến cái nhìn đa chiều và thuyết phục hơn về vấn đề này, từ đó tạo cơ sở vững chắc cho các quyết định nhằm mục đích đảm bảo hai quá trình tham gia các FTA và tăng trưởng kinh tế bổ trợ tốt cho nhau và cùng đóng góp tích cực vào sự phát triển đất nước của các quốc gia ASEAN nói riêng và trên toàn thế giới nói chung.

2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan tình hình nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết về các hiệp định thương mại tự do

2.1.1. Khái quát về các Hiệp định Thương mại tự do

Hiệp định Thương mại tự do (FTA – Free Trade Agreements) là một hình thức liên kết quốc tế giữa các quốc gia và nhờ các hiệp định này mà các rào cản về thuế quan và phi thuế quan sẽ được giảm hoặc xóa bỏ. Nhờ có các Hiệp định Thương mại tự do mà các quốc gia trên

thế giới có thể từng bước hình thành một thị trường buôn bán thống nhất về hàng hóa và dịch vụ (Bộ Công thương Việt Nam, 2022).

Bên cạnh đó, thuật ngữ "Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới" được sử dụng để chỉ các FTA hiện đại với phạm vi cam kết bao gồm những lĩnh vực rộng hơn như thuận lợi hóa thương mại, hoạt động đầu tư, mua sắm công, chính sách cạnh tranh, các biện pháp phi thuế quan, thương mại dịch vụ, quyền sở hữu trí tuệ, cơ chế giải quyết tranh chấp, lao động, môi trường, thậm chí còn gắn với những vấn đề dân chủ, nhân quyền hay chống khủng bố... Các FTA thế hệ mới này đem lại tác động mạnh mẽ tới thể chế của các bên liên quan (Trần và Đỗ, 2019).

2.1.2. Vai trò của các hiệp định thương mại tự do

FTA giúp thúc đẩy tốc độ tăng trưởng thương mại thế giới, tác động đến tăng trưởng kinh tế của các nước thông qua sự gia tăng tốc độ xuất khẩu và thu hút đầu tư FDI, dẫn tới số lượng người nghèo đói giảm đi đáng kể, vấn đề việc làm cho người lao động cũng được giải quyết tích (Bùi, 2007).

FTA còn có ảnh hưởng đến cơ cấu kinh tế của các quốc gia (Nguyễn, 2015). Trong quá trình thực thi các Hiệp định Thương mại tự do, để nâng cao năng lực cạnh tranh đồng thời xuất khẩu hàng hóa phù hợp với nhu cầu của thị trường thế giới và khu vực thì cơ cấu ngành kinh tế của các quốc gia tham gia FTA cũng cần phải đổi mới theo hướng tăng cường xuất khẩu các mặt hàng tinh chế, giảm sản phẩm dầu thô và sản phẩm sơ chế.

Đặc biệt các FTA có vai trò quan trọng góp phần nâng cao chuẩn mực tự do hóa thương mại (Trung tâm WTO, 2017). Quá trình toàn cầu hóa đòi hỏi người lao động cần phải có tay nghề, trình độ chuyên môn cao để đáp ứng quá trình phát triển của sản xuất. Chính vì thế, một thị trường lao động toàn cầu với những chuẩn mực, tiêu chuẩn chung về sử dụng lao động đã và đang được hình thành.

Cũng theo Trung tâm WTO, việc triển khai ký kết và thực hiện các FTA một cách hiệu quả sẽ góp phần củng cố và bảo đảm an ninh kinh tế, nâng cao vị thế đối với các quốc gia thành viên. Việc tăng cường liên kết với nhau là giải pháp hữu hiệu nhằm phòng, chống những cuộc khủng hoảng chu kỳ hoặc khủng hoảng cơ cấu, bảo đảm an ninh kinh tế, bền vững trong tăng trưởng.

FTA còn tạo sức ép để các doanh nghiệp gia tăng năng lực cạnh tranh (Nguyễn, 2015), buộc các doanh nghiệp, ngành hàng phải nhanh chóng thích nghi, vươn lên để đáp ứng được những yêu cầu, quy định khắt khe của nhà nhập khẩu nhằm trụ vững và phát triển trên thị trường nội địa và hướng tới xuất khẩu sang các thị trường khác.

2.2. Cơ sở lý thuyết về tăng trưởng kinh tế

2.2.1. Khái niệm tăng trưởng kinh tế

"Tăng trưởng kinh tế trong kinh tế học được định nghĩa một cách chặt chẽ là sự gia tăng hay mở rộng quy mô của mức sản lượng tiềm năng của nền kinh tế một quốc gia" (Hoàng và cộng sự, 2015).

Như vậy, tăng trưởng kinh tế có thể được xác định dựa trên sự gia tăng của tổng sản phẩm quốc nội (GDP) hoặc tổng sản lượng quốc dân (GNP) hoặc quy mô sản lượng quốc gia tính bình quân trên đầu người.

2.2.2. Lý thuyết tăng trưởng kinh tế

Lý thuyết cổ điển của Smith và Malthus cho rằng đất đai đóng vai trò quyết định tăng trưởng. Năng suất lao động tăng khi diện tích đất nông nghiệp mở rộng.

Lý thuyết tăng trưởng của trường phái Keynes với điển hình là mô hình Harrod-Domar chỉ ra được nguồn gốc tăng trưởng là tích lũy tư bản, tăng trưởng kinh tế là do sự tương tác giữa tiết kiệm và đầu tư, cho rằng mức tăng của đầu ra tỷ lệ với đầu tư theo một hệ số bất biến ICOR.

Các nhà kinh tế học tân cổ điển với tiên phong là Robert Solow đã xây dựng mô hình xem xét sự tương tác giữa tăng tích lũy tư bản, lực lượng lao động và tiến bộ công nghệ, từ đó phân tích xem chúng tác động tới sản lượng ra sao. Theo cách nói của ông, "tất cả các tăng trưởng bình quân đầu người dài hạn đều thu được nhờ tiến bộ kỹ thuật".

Những lý thuyết trên đây đã cho chúng ta gợi ý về việc nghiên cứu những nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế. Từ đó, những nghiên cứu này sẽ góp phần đưa ra những chính sách nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

2.2.3. Các nguồn lực của tăng trưởng kinh tế

Theo định nghĩa về tăng trưởng kinh tế, nhóm nghiên cứu rút ra được rằng năng suất lao động là yếu tố quyết định đến tăng trưởng kinh tế, yếu tố nào tác động đến năng suất lao động của tổng thể một quốc gia sẽ tác động đến tăng trưởng kinh tế của quốc gia đó. Các nguồn lực để tăng năng suất lao động được các nhà kinh tế trải qua quá trình nghiên cứu lâu dài đã khái quát thành 4 nguồn lực: vốn nhân lực, tích lũy tư bản, tài nguyên thiên nhiên và tri thức công nghệ. (Hoàng và cộng sự, 2015)

Thứ nhất, nguồn vốn lao động là một yếu tố sản xuất đặc biệt bao gồm: số lượng lao động và chất lượng của lực lượng lao động. Một nước có thể nhập khẩu nguyên liệu, máy móc đầu vào nhưng sử dụng chúng hiệu quả hay không lại bị quyết định rất lớn bởi năng lực lao động của người công nhân, năng lực điều hành của người quản lý trong quốc gia đó.

Thứ hai, tư bản là khối lượng trang thiết bị và cơ sở vật chất dùng trong quá trình sản xuất ra hàng hóa dịch vụ, những đầu tư có tính chất tạo nền móng của Chính phủ cho khu vực kinh tế tư nhân phát triển hay của nước ngoài vào trong nước. Năng suất và sản lượng lao động sẽ tăng lên khi họ được trang bị nhiều máy móc, thiết bị hiện đại hơn.

Thứ ba, tài nguyên thiên nhiên cũng được coi là yếu tố đầu vào của sản xuất, là một nguồn lực tăng trưởng: đất đai phì nhiêu tạo điều kiện thu hoạch nhiều hơn sản phẩm nông nghiệp, đất đai cũng là cơ sở kinh tế không thể thiếu trong việc thực hiện bố trí các cơ sở kinh tế thuộc các ngành công nghiệp, dịch vụ…

Thứ tư, tri thức công nghệ là những kiến thức, được áp dụng thành các phương thức, phương pháp, kỹ thuật, quy trình sản xuất tiên tiến, tạo ra những đóng góp trực tiếp hoặc gián tiếp đến quá trình sản xuất, góp phần tạo ra được sản lượng nhiều hơn và cải tiến hơn với cùng một lượng đầu vào, có ý nghĩa rất lớn đến tăng trưởng kinh tế.

2.3. Tổng quan tình hình nghiên cứu

2.3.1. Một số nghiên cứu đi trước

Các nghiên cứu phân tích ảnh hưởng của FTA tới tăng trưởng GDP phần lớn kết luận rằng các Hiệp định Thương mại tự do thúc đẩy tăng tổng các sản phẩm nội địa. Tuy nhiên, mức độ tác động đến mỗi quốc gia là khác nhau, đặc biệt là khi xem xét tác động đến các nước đang phát triển (Ghirmay, T., Grabowski, R., and Sharma, S. 2001).

Nguyen, H.T. (2011) chỉ ra rằng xuất khẩu là nguồn tăng trưởng kinh tế của cả Malaysia và Hàn Quốc trong dài hạn. Ngoài ra, theo Nguyễn, M.T., Huỳnh, T.D.L., Huỳnh, T.D.T. (2020), ký kết FTA còn hỗ trợ sự mở rộng thương mại tự do thông qua: Tăng trưởng thương mại cao, tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, thúc đẩy kinh tế phát triển tạo công ăn việc làm, thúc đẩy tự do hóa thương mại trên thế giới...

Nguyễn, V.H. (2015) đánh giá được rằng mức độ hội nhập kinh tế quốc tế càng cao thì lợi ích từ hội nhập thu được càng lớn, nhất là khi kết hợp thực hiện các cam kết hội nhập với đẩy nhanh cải cách trong nước. Như vậy, các FTA đã làm tăng đáng kể cơ hội tiếp cận thị trường và xuất khẩu, góp phần cải thiện đáng kể môi trường kinh doanh nói chung và môi trường hoạt động xuất nhập khẩu, tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu hàng năm, trở thành một nhân tố quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế.

Nghiên cứu của Mai, T.H., Nguyễn, N.B. (2016) cho thấy độ mở thương mại cao từ việc tham gia các Hiệp định Thương mại tự do cũng như sự tăng trưởng kinh tế vĩ mô và quy mô nền kinh tế nội đã địa thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu song phương của Việt Nam. Bên cạnh đó, Hà, T.C. (2021) chỉ ra rằng đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), tổng xuất nhập khẩu hàng hóa (TR) và tích lũy tài sản cố định gộp có tác động đáng kể đến GDP.

Kết quả nghiên cứu của Vũ, T.H., Nguyễn, T.M.P (2016) khi xem xét tác động theo ngành của Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và EU nêu ra rằng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam với EU đều gia tăng vững chắc, trong đó xuất khẩu từ Việt Nam sang EU gia tăng mạnh mẽ và nhanh hơn nhập khẩu, góp phần làm thặng dư thương mại của Việt Nam với EU tăng nhanh.

2.3.2. Khoảng trống nghiên cứu

Sau khi phân tích các nghiên cứu thực nghiệm đã có, nhóm tác giả rút ra được một số khoảng trống sau đây.

Thứ nhất, trong khi hiểu biết về thực hiện các cam kết FTA và tác động của nó tới tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia hay nền kinh tế đơn lẻ đã được thực hiện bởi một loạt các nhà nghiên cứu thì ở những tổ chức kinh tế như ASEAN, việc nghiên cứu vấn đề này vẫn còn chưa được cụ thể.

Thứ hai, thương mại quốc tế luôn vận động không ngừng. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu trước đây đã được tiến hành từ khá lâu, các số liệu đã trở nên lạc hậu và không còn phản ánh đúng xu thế vận động và phát triển của thế giới. Như vậy, cần phải có một nghiên cứu mới với những phân tích phản ánh kịp thời những biến động hiện nay.

Do đó, nhóm nghiên cứu sẽ chọn phạm vi 10 quốc gia thuộc khối ASEAN để khái quát và cung cấp những phát hiện mới về đặc điểm trong quá trình thực thi và tác động của những Hiệp định Thương mại tự do đến tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia ASEAN trong giai đoạn từ 2001 đến 2021.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Xây dựng mô hình nghiên cứu

Theo mục 2.2, tăng trưởng kinh tế được tạo ra từ 4 nguồn lực: vốn nhân lực, tích lũy tư bản, tài nguyên thiên nhiên và tri thức công nghệ. Yếu tố nào tạo nên sự tác động tích cực đến một trong số các nguồn lực trên thì tất yếu sẽ có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Chính vì vậy, nhóm nghiên cứu sẽ tiến hành tìm hiểu sự tác động của FTA đến một số nhân tố thuộc 4 nhóm trên để từ đó rút ra kết luận về tác động của FTA đến tăng trưởng kinh tế.

Ngoài ra, cũng theo mục 2.2, tăng trưởng kinh tế được xác định thông qua sự gia tăng của GDP, GNP hoặc GDP/người. Do đó, yếu tố nào tác động tích cực đến GDP, GNP hoặc GDP/người thì sẽ có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế.

Nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính OLS để phân tích tác động FTA và một số yếu tố thương mại đến tăng trưởng kinh tế thông qua 3 mô hình sau:

$$GPC_i = \beta_0 + \beta_1.EXPORT_i + \beta_2.TRADE_i + \beta_3.FTA_i + u_i \quad \textbf{(1)}$$

$$FDI_i = \beta_0 + \beta_1.EXPORT_i + \beta_2.TRADE_i + \beta_3.FTA_i + u_i \quad \textbf{(2)}$$

$$UNEMPLOYED_i = \beta_0 + \beta_1.EXPORT_i + \beta_2.TRADE_i + \beta_3.FTA_i + u_i \quad \textbf{(3)}$$

Mô hình (1) phân tích tác động của việc tham gia các FTA và một số yếu tố thương mại đến *GDP/người*. GDP/người được sử dụng là một biến phụ thuộc trong mô hình đánh giá tác động của FTA đến tăng trưởng kinh tế bởi lẽ tăng trưởng kinh tế có thể được xác định thông qua sự gia tăng của GDP/người. Như vậy, nếu FTA có tác động tích cực đến GDP/người thì FTA sẽ có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế.

Mô hình (2) phân tích tác động của việc tham gia các FTA và một số yếu tố thương mại đến *Đầu tư trực tiếp nước ngoài*. Như đã phân tích ở phần 2.2, tích lũy tư bản là một trong những nguồn lực quan trọng của tăng trưởng kinh tế. Đồng thời, tích lũy tư bản bao gồm cả đầu tư của Chính phủ cho khu vực tư nhân hoặc đầu tư của nước ngoài vào trong nước một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. Do đó, *Đầu tư trực tiếp nước ngoài* FDI cũng góp phần tạo nên tăng trưởng kinh tế. Do đó, thông qua FDI nghiên cứu có thể chỉ ra mối liên hệ của FTA tới tri thức tích lũy tư bản (là một nguồn lực của tăng trưởng kinh tế).

Mô hình (3) phân tích tác động của việc tham gia các FTA và một số yếu tố thương mại đến *Tỷ lệ thất nghiệp*. Nguồn vốn nhân lực được xác định dựa trên số lượng lao động và chất lượng của lực lượng lao động. Như vậy, từ Tỷ lệ thất nghiệp có thể xác định được số lượng lao động, làm một thước đo để đánh giá nguồn vốn nhân lực, từ đó nghiên cứu chỉ ra mối liên hệ của FTA tới vốn nhân lực (là một nguồn lực của tăng trưởng kinh tế).

Các biến được đưa vào mô hình được giải thích ý nghĩa ở **Bảng 1**:

Bảng 1. Diễn giải biến số

Ký hiệu	Tên	Đơn vị
GPC	GDP/người (GDP Per Capita)	USD
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài	Tỷ USD
UNEMPLOYED	Tỷ lệ thất nghiệp	% lực lượng lao động
EXPORT	Xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ thương mại	Tỷ USD
TRADE	Thương mại hàng hóa	% GDP
FTA	Số lượng Hiệp định Thương mại tự do được ký kết	-

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

3.2. Giả thuyết nghiên cứu

Dựa trên kiến thức đã học và những nghiên cứu thực nghiệm đã phân tích, nhóm tác giả đưa ra các giả thuyết nghiên cứu như sau:

H_1: *Số lượng Hiệp định Thương mại tự do được ký kết* (FTA) có mối quan hệ cùng chiều với *GDP/người* (GPC)

H_2: *Số lượng Hiệp định Thương mại tự do được ký kết* (FTA) có mối quan hệ cùng chiều với *Đầu tư trực tiếp nước ngoài* (FDI)

H_3: *Số lượng Hiệp định Thương mại tự do được ký kết* (FTA) có mối quan hệ ngược chiều với *Tỷ lệ thất nghiệp* (UNEMPLOYED)

3.3. Thu thập dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu tổng hợp được 210 mẫu quan sát nhờ sử dụng dữ liệu chéo của 10 nước ASEAN trong khoảng thời gian từ năm 2001 đến năm 2021. Đây là thời kỳ đầu của thế kỷ mới, mở ra bối cảnh mới cho các xu hướng trên thế giới cũng như hứa hẹn nhiều cơ hội, đi kèm với các khó khăn, thách thức mà các quốc gia cần đối mặt.

Bài nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp, **Bảng 2** thể hiện nguồn dữ liệu cụ thể của từng biến số:

Bảng 2. Diễn giải biến số

Biến số	Nguồn
GPC	Ngân hàng thế giới World Bank
FDI	Ngân hàng thế giới World Bank
UNEMPLOYED	Ngân hàng thế giới World Bank
EXPORT	Ngân hàng thế giới World Bank và tính toán của tác giả
TRADE	Ngân hàng thế giới World Bank
FTA	Trung tâm hội nghị khu vực Châu Á ARIC

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

4. Kết quả nghiên cứu

4.1.1. Kiểm định đa cộng tuyến

Nhóm nghiên cứu thực hiện kiểm định đa cộng tuyến dựa vào hệ số phóng đại phương sai VIF thu được kết quả ở **Bảng 3**:

Bảng 3. Kết quả kiểm định đa cộng tuyến

	Mô hình 1	**Mô hình 2**	**Mô hình 3**
EXPORT	4.94	4.94	4.94
TRADE	1.81	1.81	1.81
FTA	3.54	3.54	3.54
VIF trung bình	3.43	3.43	3.43

Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên phần mềm STATA 15

Kết quả kiểm định ở **Bảng 3** cho thấy tất cả cá hệ số phóng đại phương sai VIF của 3 biến độc lập trong 3 mô hình đều có giá trị nhỏ hơn 10. Như vậy, mô hình nghiên cứu không mắc hiện tượng đa cộng tuyến.

4.1.2. Kết quả ước lượng mô hình hồi quy

Bảng 4 là kết quả ước lượng của 3 mô hình hồi quy được đưa vào bài nghiên cứu. Nhóm tác giả đã sử dụng kỹ thuật Robust để nâng cao tính tin cậy của mô hình. Kết quả phân tích và các giá trị kiểm định t, kiểm định p-value được thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 4. Kết quả ước lượng mô hình hồi quy

Mô hình 1 (Biến phụ thuộc: GPC)				
Biến	**Hệ số ước lượng**	**Độ lệch chuẩn**	**t**	**p - Value**
EXPORT	-35.9260	25.9709	-1.38	0.168
TRADE	187.5537	19.1487	9.79	0.000
FTA	2680.2060	580.0037	4.62	0.000
β_0	-13804.1700	3043.0330	-4.54	0.000
R^2 = 39.66%				
Prob>F = 0.000				
N = 210				
Mô hình 2 (Biến phụ thuộc: FDI)				
Biến	**Hệ số ước lượng**	**Độ lệch chuẩn**	**t**	**p – Value**
EXPORT	0.0872	0.0089	9.89	0.000
TRADE	0.0121	0.0126	0.96	0.339

Mô hình 1 (Biến phụ thuộc: GPC)				
Biến	**Hệ số ước lượng**	**Độ lệch chuẩn**	**t**	**p - Value**
FTA	0.4539	0.1755	2.59	0.010
β_0	-5.9482	1.4163	-4.20	0.000
R^2 = 72.62%				
Prob>F = 0.000				
N = 210				
Mô hình 3 (Biến phụ thuộc: UNEMPLOYED)				
Biến	**Hệ số ước lượng**	**Độ lệch chuẩn**	**t**	**p – Value**
EXPORT	0.0048	0.0033	1.41	0.144
TRADE	0.0003	0.0032	0.09	0.929
FTA	-0.1047	0.0745	-1.40	0.162
β_0	3.0561	0.4442	6.88	0.000
R^2 = 3.50%				
Prob>F = 0.0462				
N=210				

Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên phần mềm STATA 15

Kết quả ước lượng mô hình chỉ ra cả 3 mô hình đều có ý nghĩa thống kê ở mức 5% (p-value của 3 mô hình lần lượt là 0.000; 0.000 và 0.0462 đều nhỏ hơn 0.05). Tuy nhiên, khi thực hiện kiểm định t và kiểm định p-value ở mức ý nghĩa 5% thì các biến số được đưa vào mô hình (3) nghiên cứu tác động của Số lượng hiệp định FTA được ký kết và các yếu tố thương mại lên *Tỷ lệ thất nghiệp* là không có ý nghĩa thống kê (p-value của các hệ số đều lớn hơn 0.05)

Từ bảng kết quả trên có thể thấy, *Số lượng Hiệp định Thương mại tự do được ký kết* (FTA) có ảnh hưởng tích cực đến *GDP/người* (GPC), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài* (FDI) ở mức ý nghĩa thống kê 5%. Cụ thể, khi số lượng FTA được ký kết bởi một quốc gia tăng thêm 1 hiệp định thì *GDP/người* (GPC) của quốc gia đó sẽ tương ứng tăng thêm 2680.206 USD và *Đầu tư trực tiếp nước ngoài* (FDI) vào quốc gia đó cũng tăng thêm 0.4539 tỷ USD. Do đó, FTA có tác động tích cực đến GDP/người và Đầu tư trực tiếp nước ngoài, hay nói cách khác, FTA có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế.

Hơn nữa, ở mức ý nghĩa 5%, *Thương mại hàng hóa* (TRADE) tính trên %GDP cũng có tác động tích cực đến *GDP/người* (GPC). Cụ thể, khi thương mại hàng hóa tính trên %GDP tăng 1% thì GDP/người tăng 187.5537 USD. Do đó, thương mại hàng hóa có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế.

Ngoài ra, cũng ở mức ý nghĩa 5%, *Xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ thương mại* (EXPORT) có tác động tích cực đến *Đầu tư trực tiếp nước ngoài* (FDI) (khi lượng xuất khẩu tăng 1 tỷ USD

thì Đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 0.0872 tỷ USD). Do đó, Xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ thương mại có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế

Như vậy, có thể kết luận rằng, thông qua việc tác động tích cực đến *GDP/người* và *Đầu tư trực tiếp nước ngoài*, việc tham gia ký kết các Hiệp định Thương mại tự do có tác động tích cực và thuận chiều đến tăng trưởng kinh tế.

5. Đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của các quốc gia ASEAN trong bối cảnh gia tăng việc ký kết và thực thi FTA hiện nay

Để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của các quốc gia ASEAN, cần đưa ra những giải pháp nhằm thúc đẩy quá trình đàm phán, ký kết và thực hiện các Hiệp định Thương mại tự do, sự tăng thêm của GDP/người cũng như FDI trong thời gian tới. Nhóm tác giả đưa ra một số đề xuất như sau:

5.1. Giải pháp thúc đẩy quá trình đàm phán, ký kết và thực hiện các Hiệp định Thương mại tự do trong bối cảnh gia tăng việc ký kết và thực thi FTA hiện nay

Thứ nhất, cần nghiên cứu về những cơ hội và khó khăn trong việc tham gia các FTA. Các quốc gia cần tìm hiểu những triển vọng, thách thức trong việc tham gia các FTA trong những năm tới đây. Để làm được việc đó thì mỗi quốc gia cũng như toàn khối ASEAN cần hiểu rõ cục diện, bối cảnh trong nước, khu vực và trên thế giới, nhìn nhận được những lợi ích đạt được cũng như những khó khăn cần đối mặt khi tham gia ký kết các Hiệp định Thương mại tự do.

Thứ hai, cần xác định mục tiêu và nguyên tắc lựa chọn khi tham gia đàm phán các FTA với các đối tác. Các mục tiêu phải hướng tới hình thành nền tảng tăng trưởng trong tương lai cho nền kinh tế quốc dân, tức là phải có những nội dung đột phá về mặt chính sách và thể chế, ưu tiên các lợi ích chính trị - chiến lược, tăng cường quan hệ chính trị - đối ngoại, tạo không gian khu vực và môi trường quốc tế hoà bình, ổn định phục vụ phát triển kinh tế và củng cố nền quốc phòng, an ninh đất nước. Nguyên tắc lựa chọn đối tác đàm phán các FTA phải dựa trên một hệ thống các mục tiêu và căn cứ cụ thể, vượt lên trên những lợi ích trước mắt, hướng tới phát triển nền kinh tế trong dài hạn.

Thứ ba, cần xác định tiêu chí lựa chọn đối tác và thứ tự ưu tiên trong quá trình đàm phán, ký kết các FTA. Các quốc gia cần lựa chọn đối tác nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển đất nước và dựa trên các tiêu chí như về lợi ích kinh tế, về lợi ích chính trị chiến lược, về an ninh quốc phòng…

Thứ tư, cần có định hướng về lộ trình tham gia các FTA. ASEAN cần thúc đẩy hình thành FTA với những thị trường phát triển nhất như Hoa Kỳ, EU; thiết lộ trình chính sách FTA một cách khoa học, có tính chủ động, hệ thống, khách quan, chọn lọc.

Thứ năm, cần điều chỉnh cơ chế, chính sách trong quá trình tham gia FTA. Mỗi quốc gia trong ASEAN cần sửa đổi, hoàn thiện thể chế cũng như điều chỉnh cơ cấu thị trường xuất nhập khẩu và thị trường trong nước sao cho phù hợp với xu hướng thế giới. Có như vậy thì ASEAN mới có thể đẩy nhanh tốc độ hội nhập kinh tế quốc tế, phát huy tối đa nguồn lực bên trong và bên ngoài vào công cuộc phát triển kinh tế.

5.2. Giải pháp gia tăng GDP bình quân đầu người trong bối cảnh gia tăng việc ký kết và thực thi FTA hiện nay

Để thúc đẩy gia tăng GDP bình quân đầu người, nhóm tác giả đề xuất một số biện pháp sau:

Thứ nhất, đầu tư phát triển vốn nhân lực. Đầu tư phát triển con người có vai trò làm tăng năng suất, thúc đẩy tăng trưởng và năng suất trong dài hạn. Để phát triển con người thì cần chú trọng đầu tư vào giáo dục, coi giáo dục là quốc sách hàng đầu.

Thứ hai, tiến hành chính sách kiểm soát tốc độ gia tăng dân số. Các nước có dân số đông thường có quy mô GDP cao hơn. Chúng ta có thể thấy ý nghĩa của việc gia tăng đầu vào lao động này như thế nào khi các nước phát triển có tỷ lệ gia tăng dân số thấp như Nhật Bản, Pháp… lại có những chính sách kêu gọi và khuyến khích gia tăng dân số. Tuy nhiên, các lý thuyết về tăng trưởng nói chung đều dự báo sự gia tăng dân số làm giảm GDP đầu người. Vì vậy, việc giữ cho tốc độ tăng dân số hợp lý là chính sách quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế.

Thứ ba, nghiên cứu và triển khai công nghệ mới. Việc nghiên cứu, triển khai công nghệ mới sẽ đưa ra những phương pháp, cách thức tối ưu trong quá trình sản xuất. Nhờ vậy, sản lượng tính trên mỗi đơn vị lao động sẽ được thúc đẩy, làm tăng GDP bình quân đầu người.

5.3. Giải pháp thu hút Đầu tư trực tiếp nước ngoài trong bối cảnh gia tăng việc ký kết và thực thi FTA hiện nay

Để thu hút thêm nguồn vốn đầu tư thì điều cần đặc biệt lưu ý chính là cải thiện môi trường đầu tư. Cụ thể, theo 3 nhóm yếu tố cấu thành môi trường đầu tư của UNCTAD, cần tiến hành cải thiện từng yếu tố như sau:

Thứ nhất là cải thiện khung chính sách: tạo điều kiện thông thoáng về pháp lý cho hoạt động đầu tư, dỡ bỏ và sửa đổi những quy chế đã tỏ ra kém hiệu quả hoặc không còn phù hợp với thông lệ quốc tế, đồng thời, tạo môi trường pháp lý bình đẳng cho hoạt động đầu tư trong và ngoài nước. Các quan điểm khi đưa vào luật được thống nhất trên cơ sở phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế của đất nước, khuyến khích các nguồn lực cho đầu tư phát triển, phù hợp với tiến trình hội nhập và cam kết quốc tế, khắc phục được những điểm bất cập của luật hiện tại

Thứ hai là cải thiện các yếu tố kinh tế: chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng quốc gia, đào tạo lao động giá rẻ có tay nghề cao, nâng cao tiềm lực công nghệ, trình độ kỹ thuật, tăng hiệu quả tiếp cận thị trường khu vực và thế giới, kiểm soát chi phí nguyên vật liệu cũng như các yếu tố đầu vào, tham gia các hiệp định khu vực có chứa các điều khoản tạo thuận lợi cho FDI

Thứ ba là cải thiện các yếu tố tạo thuận lợi cho kinh doanh: gia tăng các biện pháp xúc tiến cho hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài của chính phủ, bao gồm: hoạt động xúc tiến đầu tư, các biện pháp khuyến khích đầu tư, các biện pháp nhằm giảm tiêu cực phí, các biện pháp cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ tiện ích, công cộng nhằm nâng cao chất lượng sống của con người

6. Hạn chế của nghiên cứu và những định hướng nghiên cứu tiếp theo

Mặc dù nghiên cứu đã góp phần cung cấp thêm bằng chứng thực nghiệm trong xác định mối liên hệ của việc ký kết các FTA đến tăng trưởng kinh tế của các nước thuộc ASEAN nhưng vẫn tồn tại những hạn chế nhất định. Cụ thể như sau:

Nghiên cứu chỉ sử dụng dữ liệu tính đến năm 2021. Do vậy, cần thu thập dữ liệu từ 2021 đến này nhằm tìm hiểu về mức độ tác động của những nhân tố đã được nghiên cứu nhưng trong bối cảnh mới để có được cái nhìn đầy đủ hơn về những nhân tố ảnh hưởng đến sự biến động của kinh tế, đưa ra được so sánh về tầm ảnh hưởng của chúng đối với nền kinh tế trong bối cảnh hiện nay và trước kia.

Nghiên cứu mới chỉ ra 3 biến phụ thuộc là *GDP/người* (GPC), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài* (FDI) và *Tỷ lệ thất nghiệp* (UNEMPLOYED) để phân tích tác động của FTA đến tăng trưởng kinh tế. Trong khi đó, tăng trưởng kinh tế được hình thành từ 4 nguồn lực là vốn nhân lực, tích lũy tư bản, tài nguyên thiên nhiên và tri thức công nghệ. Do đó cần có thêm những nghiên cứu khác cần được tiến hành để có thể phân tích tác động của FTA đến cả 4 nguồn lực thông qua các biến số khác như lượng khoáng sản khai thác, hệ số ICOR, khả năng trang bị công nghệ… nhằm rút ra kết luận đầy đủ nhất đến ảnh hưởng của FTA đối với tăng trưởng kinh tế.

7. Kết luận

Tăng trưởng kinh tế đang là một trong những mục tiêu hàng đầu của thế giới hiện nay. Chính vì vậy, việc nghiên cứu những nhân tố ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế để từ đó tăng cường sự tác động của những yếu tố thuận chiều và hạn chế sự tác động của những yếu tố trái chiều là một điều cần thiết.

Nhóm tác giả đã tiến hành nghiên cứu tác động của việc tham gia ký kết các Hiệp định Thương mại tự do đến tăng trưởng kinh tế thông qua việc xây dựng các mô hình hồi quy tuyến tính OLS phân tích tác động của *Số lượng Hiệp định Thương mại tự do đã ký kết* (FTA), *Xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ thương mại* (EXPORT), *Thương mại hàng hóa* (TRADE) đến các biến phụ thuộc là *GDP/người* (GPC), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài* (FDI) và *Tỷ lệ thất nghiệp* (UNEMPLOYED). Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng biến FTA có tác động tích cực lên cả 2 biến phụ thuộc là GPC và FDI với mức ý nghĩa thống kê 5%. Như vậy, việc ký kết các Hiệp định Thương mại tự do là có tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế.

Từ đó, nhóm tác giả đề xuất một số biện pháp nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của các quốc gia ASEAN trong bối cảnh hiện nay thông qua việc tham gia các Hiệp định Thương mại tự do, tạo cơ sở cho nghiên cứu chính sách phát triển kinh tế của các nước trên toàn thế giới. Ngoài ra, nhóm cũng tự nhìn nhận một số thiếu sót trong bài nghiên cứu của mình và đề xuất một số hướng nghiên cứu trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

Bộ Công thương Việt Nam. (2022), "Sổ tay FTA", Available at https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/so-tay-fta.html

Bùi, T.N. (2007), "Các hiệp định thương mại tự do được ký kết ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương từ những năm 90 của thế kỷ XX đến nay – thực thi và triển vọng: Đề tài NCKH, QX. 2004.05", *Đề tài cấp ĐHQGHN và Quốc gia (LIC).*

Ghirmay, T., Grabowski, R. and Sharma, S.C. (2001), "Exports, investment, efficiency and economic growth in LDC: an empirical investigation", *Applied Economics*, Vol. 33 No. 6, pp. 689-700.

Hà, T.C. (2019), "Tác động của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và thương mại quốc tế đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam", *Tạp chí Khoa học và Công nghệ,* No.. 52, pp.104-10.

Hoàng, X.B. và cộng sự (2015), *Giáo trình kinh tế vĩ mô cơ bản,* NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

Lê, Q.A., Lê, T.T.A. (2021), "Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu với vấn đề phát triển doanh nghiệp Việt Nam", *Kinh tế và thương mại quốc tế tác động tới doanh nghiệp Việt Nam*, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội, pp. 26-39

Lê, T.K.C. (2020), *Tác động của tự do hóa thương mại đến kinh tế Việt Nam,* Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Mai, T.H., Nguyễn, N.B. (2016), "Tác động của tự do hoá thương mại thế hệ mới đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam", *Tạp chí Quản lý Kinh tế Quốc tế*, Vol. 82, pp.41-51.

Nguyen, H.T. (2011), "Exports, imports, FDI and economic growth", *Center for Economic Analysis, Department of Economics, University of Colorado at Boulder*.

Nguyễn, M.T., Huỳnh, T.D.L., Huỳnh, T.D.T. (2020), "Tác động của Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam – Nhật Bản đến nền kinh tế Việt Nam", *Bản B của Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam,* Vol. 62 No. 10, pp. 12-17.

Nguyễn, T.T. (2021), "Đánh giá tác động của hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu đối với thương mại song phương", *Hai năm thực hiện Hiệp định EVFTA: Tác động kinh tế-xã hội và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam*, Hà Nội, pp. 52-60.

Nguyễn, V.H. (2015), *Tác động của việc tham gia các Hiệp định thương mại tự do đối với hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

Trần, T.T, Đỗ, T.M.T. (2019), "Những tác động nổi bật của FTA thế hệ mới đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam", *Kinh tế Việt Nam năm 2018 và Triển vọng năm 2019: Hướng tới chính sách tài khóa bền vững và hỗ trợ tăng trưởng*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, pp. 60-71.

Trung tâm WTO. (2017), "Vai trò của các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới trong thương mại quốc tế", Available at https://trungtamwto.vn/chuyen-de/10113-vai-tro-cua-cac-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-the-he-moi-trong-thuong-mai-quoc-te

Vũ, T.H., Nguyễn, T.M.P. (2016), "Đánh giá tác động theo ngành của Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – EU: Sử dụng các chỉ số thương mại", *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Kinh tế và Kinh doanh,* Vol. 32, No. 3, tr. 28-38.